



# tesa® 60202

## Thông tin Sản phẩm



### Product Description

tesa 60202 là băng keo xốp PVC cấu trúc kín cấp trung bình / cứng 1,6mm với chất kết dính acrylic ở một mặt. Bọt xốp kín có thể tạo ra một lớp màng ngăn không thấm nước khi nén, trong khi vẫn đủ linh hoạt để bịt kín các bề mặt không bằng phẳng. Bọt mật độ cao hơn có khả năng chống thấm nước lớn hơn băng keo tesa 600 và 601 Series, làm cho nó trở thành lựa chọn lý tưởng cho các ứng dụng niêm phong trong thị trường kính. Băng keo xốp tesa 602 Series có khả năng chống tia cực tím, ôzôn, oxy hóa và nấm, làm cho nó rất thích hợp trong môi trường khắc nghiệt. Sản phẩm tương thích với silicone và có sẵn trong các khuôn cắt tùy chỉnh. Có các độ dày 1,6mm, 3,2mm, 4mm, 6,4mm, 9,5mm và 12,7mm, với màu xám.

### Ứng dụng

Băng keo xốp tesa 60202 lý tưởng để sử dụng trong các ứng dụng dán kính, hàng hải và vận tải, bao gồm sản xuất xe buýt, xe tải và xe tải.

Ý tưởng ứng dụng:

- Niêm phong giữa kính và nhôm trong cửa sổ
- Dán kín các góc của khung cửa sổ bằng nhôm
- Niêm phong giữa các tấm trong xe tải và xe buýt
- Niêm phong các đơn vị quạt điều hòa không khí gắn bên ngoài trên tường hoặc mái nhà
- Niêm phong các bảng tiếp cận điện trên máy móc công nghiệp
- Niêm phong vỏ điện, vỏ và cửa tủ
- Niêm phong dưới mặt bếp bằng kính

### Technical Information (average values)

The values in this section should be considered representative or typical only and should not be used for specification purposes.

### Cấu tạo sản phẩm

- |            |          |          |         |
|------------|----------|----------|---------|
| • Backing  | foam PVC | • Độ dày | 1600 µm |
| • Loại keo | acrylic  |          |         |

### Thuộc tính / Giá trị hiệu suất

- |                                 |                      |                               |        |
|---------------------------------|----------------------|-------------------------------|--------|
| • Độ giãn dài tối đứt           | 130 %                | • Temperature resistance min. | -35 °C |
| • Lực kéo căng cm <sup>2</sup>  | 34 N/cm <sup>2</sup> | • Độ cứng- mép 00             | 28 STK |
| • phù hợp cho công đoạn cắt dập | có                   | • Độ nén                      | 2 %    |
| • Temperature resistance max.   | 90 °C                |                               |        |

### Độ bám dính

- |        |          |
|--------|----------|
| • thép | 2.8 N/cm |
|--------|----------|

để biết thêm thông tin mới nhất của sản phẩm xin vui lòng cập nhật vào <http://l.tesa.com/?ip=60202>



# tesa® 60202

Thông tin Sản phẩm

## Disclaimer

sản phẩm của tesa® được cải tiến chất lượng theo yêu cầu và được quản lý chặt chẽ từ giai đoạn sản xuất. Tất cả các thông tin và tư vấn sản phẩm được cung cấp dựa trên kinh nghiệm thực tiễn và kiến thức của chúng tôi. Tuy nhiên, tesa SE không thể đảm bảo hay quy định một cách rõ ràng hoặc ngụ ý, có bao gồm nhưng không giới hạn cho mục đích sử dụng cụ thể. Do đó, người tiêu dùng nên nhận định sản phẩm tesa đang sử dụng có phù hợp cho mục đích sử dụng mà khách hàng đang nhắm tới hay không, có phù hợp với phương pháp mà khách hàng sử dụng hay không. Nếu có bất kỳ sự nghi ngờ nào, đội ngũ kỹ thuật của chúng tôi rất vui lòng để tư vấn cho quý khách



để biết thêm thông tin mới nhất của sản phẩm xin vui lòng cập nhật vào <http://l.tesa.com/?ip=60202>